

Số: 0.7.../QĐ-VLSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng hệ chính quy
Ngành Quan hệ công chúng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN LANG SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-LĐTBXH ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực báo chí, thông tin, kinh doanh và quản lý;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Phòng Đào tạo - Phát triển chương trình và Khoa Kinh tế - Dịch vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng bậc cao đẳng hệ chính quy, mã ngành 6320108 (đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021 trở về sau.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên ngành Quan hệ công chúng trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT.



* Trưởng Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số ..0.3./QĐ-ĐT-VLSC ngày 1/1/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn)

Tên ngành, nghề:	QUAN HỆ CÔNG CHỨNG
Mã ngành, nghề:	6320108
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương
Thời gian đào tạo:	02 năm
Văn bằng:	Cử nhân thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Quan hệ công chúng (sau đây viết tắt là PR) trình độ cao đẳng là ngành, nghề xây dựng, cải thiện hình ảnh về một cá nhân, một công ty, chuyên phát thông tin tới giới truyền thông và thu hút sự chú ý của họ, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Mặc dù hiệu quả không thể đo lường chi tiết như ở lĩnh vực marketing và quảng cáo, nhưng việc tạo ra hình ảnh riêng và tăng thiện ý từ phía khách hàng, công chúng là những kết quả cuối cùng mà người làm PR phải đạt tới.

Vai trò chính của PR trong hoạt động xúc tiến thương mại là giúp công ty truyền tải các thông điệp tích cực đến khách hàng và những nhóm công chúng quan trọng của họ. Sau khi các nội dung tới nhóm đối tượng mục tiêu thông qua PR, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp sẽ đi vào nhận thức của khách hàng; từ đó, định hướng thái độ và hành vi của họ dễ dàng hơn.

Trong các doanh nghiệp hiện nay, phạm vi hoạt động của PR rất rộng, nhưng đa phần tập trung ở các mảng: tổ chức các sự kiện đặc biệt; khắc phục khùng hoảng, bất ổn; duy trì quan hệ với giới truyền thông, với các cơ quan chức trách; tổ chức các hoạt động truyền thông

đối nội ... Bên cạnh đó, PR còn làm các công việc như: chuẩn bị thông tin tài trợ, từ thiện, tổ chức các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của cá nhân/doanh nghiệp.

Phạm vi công việc và nhiệm vụ cụ thể của nghề PR là lập kế hoạch khuếch trương hình ảnh công ty, triển khai hành động, xem xét các nguy cơ khủng hoảng truyền thông có thể xảy ra từ một hoạt động/binh luận trên mạng xã hội, tìm cách giải quyết những rắc rối liên quan tới hình ảnh công ty. Các nội dung công việc chủ yếu bao gồm truyền thông đối nội, truyền thông đối ngoại, tổ chức sự kiện, quản trị mạng xã hội, chăm sóc khách hàng, viết nội dung truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông... Cường độ làm việc cao, chịu áp lực về thời gian và yêu cầu đảm bảo sự hài lòng của doanh nghiệp, khách hàng và đối tác.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu MTCT	Nội dung mục tiêu chương trình (MTCT)
1.2.1. Kiến thức	
101	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được vị trí, vai trò của quan hệ công chúng trong hoạt động truyền thông của doanh nghiệp;
102	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được quy trình lập kế hoạch và thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng nói riêng và truyền thông nói chung;
103	<ul style="list-style-type: none"> Liệt kê được các hoạt động truyền thông đối nội và đối ngoại trong hoạt động của doanh nghiệp;
104	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được quy trình tổ chức sự kiện truyền thông;
105	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông;
106	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được quy trình viết, phong cách viết các ấn phẩm truyền thông, chú trọng đặc biệt đến vai trò và lợi ích của thông cáo báo chí trong hoạt động truyền thông của doanh nghiệp;
107	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được các nguyên tắc đạo đức trong nghề quan hệ công chúng và kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh truyền thông;
108	<ul style="list-style-type: none"> Xác định được khái niệm, mục đích thuyết trình, các thành phần của thông điệp và các bước khi thuyết trình trước công chúng;
109	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được tác động của thị trường và môi trường trong việc xây dựng các mối quan hệ với các nhóm công chúng của doanh nghiệp;
110	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được những kiến thức cơ bản về digital marketing và ứng dụng hiệu quả của từng công cụ phù hợp với mục tiêu của từng chiến dịch truyền thông;
111	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được các chức năng của marketing trong doanh nghiệp,

	phương pháp và công cụ xây dựng chiến lược truyền thông marketing tích hợp (IMC);
112	<ul style="list-style-type: none"> Liệt kê được các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, chú trọng đặc biệt về luật quảng cáo và luật báo chí; nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ;
113	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
1.2.1. Kỹ năng	
201	<ul style="list-style-type: none"> Lập được kế hoạch và thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
202	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được hoạt động lập kế hoạch và tổ chức sự kiện truyền thông cho doanh nghiệp;
203	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp được các công cụ truyền thông đa phương tiện; vận dụng được kiến thức về thiết kế đồ họa, đồng bộ hoá âm thanh và hình ảnh, video vào thực tế sản xuất các sản phẩm truyền thông;
204	<ul style="list-style-type: none"> Soạn thảo được các nội dung trên các phương tiện truyền thông nhằm quảng bá thông tin doanh nghiệp;
205	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng được cơ bản thông điệp truyền thông trong tình huống khẩn hoang;
206	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được các công cụ và phương thức truyền thông đối nội và đối ngoại thông dụng;
207	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức được các hoạt động quan hệ công chúng cho doanh nghiệp;
208	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn được nhân lực và tổ chức được các chương trình huấn luyện - đào tạo đội ngũ nhân viên cho hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp;
209	<ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động quan hệ công chúng;
210	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá được hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp;
211	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
212	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
301	<ul style="list-style-type: none"> Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; chủ động, sáng tạo trong công việc, khả năng giải quyết công việc vần đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng;
302	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn giám sát đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong phạm vi công việc được giao;
303	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao;
304	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng định hướng, thích nghi với môi trường làm việc; có

	năng lực lập kế hoạch và điều phối công việc khoa học và hợp lý; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; tự học tập tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
305	<ul style="list-style-type: none"> • Có ý thức trách nhiệm đối với khách hàng, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức. Có tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, đạo đức nghề nghiệp. Có lòng say mê nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp. Có sức khỏe và ý chí phấn đấu trong công việc để có thu nhập cao cho cá nhân, có lợi cho tổ chức và xây dựng đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Quan hệ công chúng;
- Truyền thông đối ngoại;
- Truyền thông nội bộ;
- Tổ chức sự kiện;
- Quản trị mạng xã hội;
- Chăm sóc khách hàng;
- Viết nội dung truyền thông.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Quan hệ công chúng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 32 môn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1530 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 367 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2071 giờ; Kiểm tra: 67 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
			Tổng số	Lý thuyết	Trong đó		
					Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Bài tập	Kiểm tra/thi
I	Các môn học chung	20	435	157	161	94	23
MH01	Giáo dục Chính trị	4	75	41	15	14	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	8	2	2
MH03	Tin học	3	75	15	28	30	2
MH04	Tiếng Anh	6	120	42	52	20	6
MH05	Giáo dục thể chất	2	60	5	31	20	4
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	27	8	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	58	1530	210	616	660	44
MD07	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1)	60	0	28	30	2
MD08	Quay và dựng phim	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD09	Hoạch định và xúc tiến Marketing	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD10	Nhập môn quan hệ công chúng (PR)	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD11	Nhập môn truyền thông	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD12	Hoạt động quảng cáo	3 (1,2)	75	15	28	30	2

MD13	Kỹ thuật truyền thông ĐPT	2 (1,1)	60	0	28	30	2
MD14	Pháp luật & đạo đức truyền thông	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD15	Kinh doanh và môi trường kinh doanh	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD16	Tâm lý học truyền thông	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD17	Digital Media	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD18	Kế hoạch và sách lược quảng cáo	3 (1,1)	75	15	28	30	2
MD19	Nhiếp ảnh	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD20	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD21	Nói trước công chúng	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD22	Quản trị sự kiện	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD23	Sản xuất chương trình truyền hình	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD24	Tiếng Anh PR 1	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD25	Tiếng Anh PR 2	2 (0,2)	60	0	28	30	2
MD26	Kỹ năng viết trong QHCC	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD27	Thiết kế đồ họa	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MD28	Kỹ năng học tập	3 (1,2)	75	15	28	30	2
II.3	Môn tốt nghiệp	12	540	0	540	0	0
MD29	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6)	270	0	270	0	0
MD30	Khóa luận tốt nghiệp	6 (0,6)	270	0	270	0	0

Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp

MD31	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	135	0	103	30	2
MD32	Dự án truyền thông	3	135	0	103	30	2
Tổng cộng:		90	2505	367	1317	754	67

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện theo các Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp trong và ngoài nước
- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội, bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện; Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, buổi sinh hoạt vào thứ bảy, chủ nhật
5	Tham gia dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, Vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành
- Thời gian kiểm tra:
 - + Lý thuyết: không quá 120 phút
 - + Thực hành: không quá 3 giờ
 - Về kiến thức:

Được đánh giá bằng các bài kiểm tra viết, các buổi thuyết trình. Đánh giá cụ thể theo các môn theo trình tự các mức độ sau:

- + Tổng hợp đầy đủ, chính xác các kiến thức đã học.
- + Ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn một cách khoa học để giải quyết vấn đề có hiệu quả nhất
- + Trình bày đầy đủ nội dung các kiến thức cơ sở liên quan.

• Về kỹ năng:

- Kết quả thực hành sẽ được đánh giá theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp, qua quan sát, chấm điểm theo công việc và sản phẩm.
- Khả năng thực hiện công việc độc lập, đạt kết quả tốt.
- Thực hiện được các công việc trong phạm vi sử dụng các trang bị, thiết bị sẵn có.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Được đánh giá qua bảng điểm và nhận xét:

- + Cần thận, nghiêm túc trong công việc
- + Trung thực trong kiểm tra, có trách nhiệm và có ý thức giữ gìn bảo quản tài sản, máy móc, dụng cụ, phần đầu đạt năng suất và chất lượng cao nhất, đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc.
- + Có ý thức bảo vệ môi trường, bình đẳng trong giao tiếp.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét tốt nghiệp (Căn cứ theo Điều 25 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, làm đồ án tốt nghiệp cuối khóa hoặc học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Cao đẳng với các điều kiện sau:

- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- + Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- + Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

+ Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận việc tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.

Quy định về đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.5 Các chú ý khác:

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành theo tín chỉ tại cơ sở:

- Thực hành tín chỉ được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình doanh nghiệp – để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;

- Nội dung thực hành tín chỉ đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của từng môn học.

- Thực tập tốt nghiệp: thời gian và nội dung theo chương trình đào tạo.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Quan hệ công chúng, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

Ngày 14 tháng 2, năm 2020



